TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải

Bà Lê Thị Đông

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 519/1/6 Quốc L 1, khu phố Bình Q 2, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 519/1/6 Quốc L 1, khu phố Bình Q 2, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26 tháng 9 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Công B trình bày: Ông và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

tính tình không phù hợp, cả hai không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Sự việc kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Ông và bà T chấm dứt quan hệ từ tháng 06 năm 2022 cho đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 28/5/2020, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn ông yêu cầu giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng nuôi con chung với mức mỗi con chung mỗi tháng là 3.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 10 năm 2022, biên bản hòa giải ngày 24 tháng 10 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày: Bà thống nhất với Ông B về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, bà và Ông B chung sống hạnh phúc thời gian đầu và có 02 con chung, trong thời gian chung sống vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng có mâu thuẫn cãi vã do Ông B đi làm thường xuyên ở lại cơ quan không về nhà. Bà nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và Ông B chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung họ tên và ngày tháng năm sinh đúng như Ông B trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà và Ông B ly hôn thì bà yêu cầu nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T và Nguyễn Ngọc Trà M, yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong quá trình tố tụng, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, bị đơn yêu cầu được đoàn tụ. Cả hai thống nhất thỏa thuận về nuôi con chung, tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của các đương sự, chứng cứ tòa án thu thập. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tiến hành hòa giải tuy nhiên không thành. Do đó xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Ông B và bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông B đối với bà T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 28/5/2020 (chưa thành niên). Hiện các con chung đang sống với bà T, bà T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Minh Thư và Trà My đang sống với bà T và nguyện vọng của các cháu muốn được sống với bà T. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển mọi mặt của 02 cháu nên giao 02 cháu Minh Thư và Trà My cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Cấp dưỡng nuôi con chung: bà T yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000 đồng/1 tháng/1 con; Ông B không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên không thỏa thuận được. Tuy nhiên, với điều kiện của Ông B và sự tự nguyện cấp dưỡng với mức 3.500.000 đồng/1 tháng/1 con là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của bà T không được chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Ông B.

- Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Công B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thanh T. Bà T có địa chỉ cư trú ở phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt. Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 5 năm 2007 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, Ông B và bà T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tính tình, lối sống. Cả hai không có tiếng nói chung, xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, sự việc kéo dài nhiều năm nên vợ chồng không còn quan tâm, chia sẽ, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống và hiện nay mỗi người sống mỗi nơi, đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 06 năm 2022 đến nay. Mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu được đoàn tụ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng, không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ

chồng với Ông B. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Công B đối với bà Nguyễn Thanh T.

Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của bà Nguyễn Thanh T.

[2.2] Về con chung: Ông B và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 28/5/2020, hiện đang sống chung với bà T.

Trong quá trình tố tụng, bà T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, Ông B đồng ý.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 14/12/2022 cháu Nguyễn Ngọc Minh T có nguyện vọng muốn sống với mẹ.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con chung giữa Ông B và bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi về môi trường sống và học tập nên công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa Ông B và bà T. Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T và Nguyễn Ngọc Trà M cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có tranh cấp về mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình tố tụng, bà T yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đối với mỗi con chung. Ông B đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.500.000 đồng đối với mỗi con chung.

Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, là trách nhiệm chung của Ông B và bà T. Việc cấp dưỡng nuôi con phải xem xét về thu nhập của bên không nuôi con. Hiện nay bà T làm nghề buôn bán kinh doanh bên ngoài, Ông B là công chức Nhà nước.

Căn cứ theo bản lương Ông B cung cấp thì lương của Ông B là 15.000.000 đồng/tháng.

Yêu cầu của bà T buộc Ông B cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi con là 5.000.000 đồng là không phù hợp, vượt mức 30% mức thu nhập của Ông B, nếu chấp nhận mức cấp dưỡng cho 2 con chung theo yêu cầu của bà T sẽ không đảm bảo sinh hoạt sau này của Ông B.

Trong quá trình tố tụng, Ông B đồng ý mức cấp dưỡng 3.500.000 đồng/tháng cho mỗi con chung là phù hợp, trên mức quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của Ông B.

Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của bà T. Buộc Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Ngọc Minh T và Nguyễn Ngọc Trà M mỗi tháng 3.500.000 đồng đối với mỗi con chung.

Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/02/2023 cho đến khi con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T và Nguyễn Ngọc Trà M đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của Ông B là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Công B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công B đối với bà Nguyễn Thanh T về yêu cầu ly hôn và nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công B được ly hôn với bà Nguyễn Thanh Thúy.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 28/5/2020 cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Công B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T và Nguyễn Ngọc Trà M với mức cấp dưỡng là mỗi con chung mỗi tháng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)

Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/02/2023 cho đến khi Nguyễn Ngọc Minh T và Nguyễn Ngọc Trà M đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng

quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Công B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Công B đã nộp theo biên lai thu số 0001871 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Như vậy, ông Nguyễn Công B còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chiếm **Nguyễn Mạnh Tuân** **Nguyễn Thị Diễm Hằng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã An Vĩnh Ngãi, tp T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Hằng